

Bản án số: 86/2025/HS-PT

Ngày 22/5/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huỳnh Đức;

Bà Trần Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Xuân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 22 tháng 5 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 45/2025/TLPT-HS ngày 28 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo Nguyễn Thị N và Nguyễn Văn H. Do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị N và Nguyễn Văn H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2025/HS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị N, sinh năm 1986 tại tỉnh Nghệ An; nơi thường trú: khu phố B phường T, thị xã C, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị H1; bị cáo có chồng là Lê Phước T (đã ly hôn năm 2024) và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Nguyễn Văn H, sinh năm 1977 tại tỉnh An Giang; nơi thường trú: ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nơi tạm trú: ấp D, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Trần Thị T1 (đã chết), có 01 con sinh năm 2000, tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H: ông Võ Minh T2 – Luật sư Văn phòng L1; địa chỉ: số A T, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 02 bị cáo, 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị N có mối quan hệ quen biết với Lê Thị T3 và Nguyễn Minh C. C và Nguyễn Văn H có mối quan hệ quen biết với nhau.

Vào tháng 10-2022, bị cáo Nguyễn Thị N nhìn thấy quảng cáo trên ứng dụng Zalo về dịch vụ làm các loại giấy phép lái xe, bằng cấp,... với thông tin liên lạc là tài khoản Z "Nguyễn Tiến D". N đã sử dụng tài khoản Zalo "Nguyễn Thiện N1" (số điện thoại đăng ký: 0393647903) nhắn tin với tài khoản Zalo "Nguyễn Tiến D" trên để tìm hiểu thêm thông tin. Qua tìm hiểu, N1 nhận thức được các loại giấy phép lái xe, bằng cấp,... do người sở hữu tài khoản Z "Nguyễn Tiến D" làm là giả. Bị cáo N1 nảy sinh ý định đặt làm giấy phép lái xe hạng A1 thông qua tài khoản Zalo "Nguyễn Tiến D" cho những người có nhu cầu nhằm mục đích thu lợi kiếm tiền tiêu xài.

Cùng khoảng thời gian trên, do không biết chữ và muốn có giấy phép lái xe hạng A1 nên bị cáo Nguyễn Minh C hỏi bị cáo Lê Thị T3 về việc đăng ký thi sát hạch lái xe hạng A1 cho người không biết chữ. Lúc này, bị cáo T3 hỏi bị cáo N1 về vấn đề làm bằng lái giả. Bị cáo N1 nói với bị cáo T3 làm bằng lái xe A1 giả cho người không biết chữ không cần khám sức khỏe, không thi lý thuyết, không thi sát hạch lái xe, chỉ cần cung cấp ảnh thẻ, bản photo giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân và đóng lệ phí 1.800.000 đồng/bộ hồ sơ thì sẽ được làm giấy phép lái xe A1 giả, có đầy đủ hồ sơ gốc giả kèm theo. Sau khi biết bị cáo N1 làm bằng lái xe A1 giả, bị cáo T3 nói lại nội dung trên cho bị cáo C biết và lệ phí là 2.100.000 đồng/bộ hồ sơ nhằm mục đích thu lợi số tiền 300.000 đồng chênh lệch. Sau đó, bị cáo C tiếp tục nói lại nội dung trên cho bị cáo H biết và lệ phí là 2.500.000 đồng/bộ hồ sơ nhằm mục đích thu lợi số tiền 400.000 đồng chênh lệch.

Ngày 19-10-2022, Phan Trường G và Nguyễn Văn H Em làm chung công ty với Nguyễn Văn H, G và Hiền E nghe bị cáo H nói làm được bằng lái xe A1 và kèm theo hồ sơ gốc mà không cần phải thi nên nhờ bị cáo H làm giúp G và Hiền E, bị cáo H đồng ý. Bị cáo H yêu cầu G và Hiền E đưa trước 500.000 đồng tiền đặt cọc mỗi người và cung cấp thông tin, hình ảnh cho H. Khi nào nhận được bằng lái giả sẽ trả hết số tiền còn lại. G và Hiền E đồng ý. G và Văn H Em mỗi người đưa cho bị cáo Nguyễn Văn H: 04 ảnh thẻ, 01 bản photo căn cước công dân, 01 bản photo giấy chứng minh nhân dân và tiền cọc là 500.000 đồng/người. Sau khi nhận được, H đưa các ảnh thẻ, bản photo căn cước công dân, bản photo giấy chứng minh nhân dân trên cùng số tiền đặt cọc 1.000.000 đồng cho C để nhờ làm 02 bộ hồ sơ thi sát hạch lái xe hạng A1, mang tên Phan Trường G, Nguyễn Văn Hiền E. Khi nhận được, bị cáo C giữ lại số tiền đặt cọc 1.000.000 đồng đưa ảnh và các tài liệu trên cho bị cáo T3 để nhờ làm 02 bộ hồ sơ thi sát hạch lái xe hạng

A1, mang tên Phan Trường G, Nguyễn Văn Hiền E. Bị cáo T3 tiếp tục đưa thông tin, hình ảnh của G và Hiền E trên cho bị cáo N1 để nhờ làm 02 bộ hồ sơ thi sát hạch lái xe hạng A1.

Khi nhận được thông tin và hình ảnh trên, bị cáo N1 chụp ảnh các tài liệu trên rồi sử dụng tài khoản Zalo "Nguyễn Thiện N1" gửi đến tài khoản Zalo "Nguyễn Tiến D" để đặt làm 02 giấy phép lái xe hạng A1 giả, 02 chứng chỉ sơ cấp giả, 02 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe giả, 02 giấy khám sức khỏe của người lái xe với thông tin cá nhân của Phan Trường G, Nguyễn Văn H Em giả với tổng số tiền 2.400.000 đồng.

Đến ngày 15-11-2022, 01 nam thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) đến nhà của bị cáo N1 giao 02 bộ giấy phép lái xe giả gồm 02 giấy phép lái xe hạng A1, 02 chứng chỉ sơ cấp, 02 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, 02 giấy khám sức khỏe của người lái xe có thông tin cá nhân, hình ảnh của Phan Trường G, Nguyễn Văn H Em cho bị cáo N1. Bị cáo N1 trả tiền mặt cho nam thanh niên trên với số tiền 2.400.000 đồng. Sau đó, bị cáo N1 đến nhà bị cáo T3 đưa tất cả giấy tờ trên cho bị cáo T3. Bị cáo T3 trả tiền mặt cho bị cáo N1 với số tiền 3.600.000 đồng. Sau đó, bị cáo T3 gọi điện thoại cho bị cáo C đến lấy các giấy tờ trên. Bị cáo C nhận các loại giấy tờ trên và trả tiền mặt cho bị cáo T3 với số tiền 4.200.000 đồng. Bị cáo C mang các giấy tờ trên đến giao cho bị cáo H. Khi nhận được, bị cáo H trả tiền mặt cho bị cáo C với số tiền 4.000.000 đồng do trước đó đã đặt cọc số tiền 1.000.000 đồng, tổng số tiền bị cáo H đã trả cho bị cáo C là 5.000.000 đồng.

Ngày 20-11-2022, G đến nhà trọ của bị cáo H để nhận 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 chứng chỉ sơ cấp, 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, 01 giấy khám sức khỏe của người lái xe có thông tin cá nhân, hình ảnh G. Lúc này, G nghi ngờ các loại giấy tờ trên là giả nên đã đến Công an xã T để trình báo. Sau đó, bị cáo Nguyễn Văn H đã giao nộp 02 giấy phép lái xe hạng A1, 02 chứng chỉ sơ cấp, 02 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, 02 giấy khám sức khỏe của người lái xe có thông tin cá nhân, hình ảnh của Phan Trường G, Nguyễn Văn H Em cho Công an xã T và trả lại tiền đặt cọc 500.000 đồng cho Phan Trường G và Nguyễn Văn H Em.

Vật chứng tạm giữ:

- 01 Giấy phép lái xe số: 920220297711, mang tên: Phan Trường G, đề ngày 25-10-2022.

- 01 Giấy phép lái xe số: 910220006889, mang tên: Nguyễn Văn Hiền E, đề ngày 26-10-2022.

- 01 Chứng chỉ sơ cấp, mang tên Phan Trường G, đề ngày 25-10-2022, có hình dấu tròn có nội dung **"*BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI*TRUNG TÂM ĐÀO TẠO NGHỀ VÀ THỰC HÀNH CÔNG NGHIỆP LẠC HỒNG***".

- 01 Chứng chỉ sơ cấp, mang tên Nguyễn Văn Hiền E, đề ngày 26-10-2022, có hình dấu tròn có nội dung **"*BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ**

HỘI*TRUNG TÂM ĐÀO TẠO NGHỀ VÀ THỰC HÀNH CÔNG NGHIỆP LẠC HỒNG*".

- 01 Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, có hình ảnh, họ và tên: Phan Trường G, đề ngày 25-10-2022, có hình dấu tròn có nội dung "*CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM* THÀNH PHỐ CẦN THƠ - SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI".

- 01 Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, có hình ảnh, họ và tên: Nguyễn Văn Hiền E, đề ngày 26-10-2022, có hình dấu tròn có nội dung "*CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM* TỈNH KIÊN GIANG - SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI".

- 01 Giấy khám sức khỏe của người lái xe, có hình ảnh, không ghi thông tin, không đề ngày, có hình dấu tròn có nội dung "*BỘ Y TẾ * BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH CẦN THƠ".

- 01 Giấy khám sức khỏe của người lái xe, có hình ảnh, không ghi thông tin, không đề ngày, có hình dấu tròn có nội dung "*BỘ Y TẾ * BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH KIÊN GIANG".

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y51, số IMEI: 864874058701130 của bị cáo N1.

Quá trình điều tra các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì về các vấn đề trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức" theo điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Kết luận giám định số 527/KL-KTHS(TL) ngày 12-12-2022, Phòng K Công an tỉnh B, kết luận: 01 Giấy phép lái xe số: 920220297711, mang tên: Phan Trường G, đề ngày 25-10-2022 là giả; 01 Giấy phép lái xe số: 910220006889, mang tên: Nguyễn Văn H Em, đề ngày: 26-10-2022 là giả; 01 Chứng chỉ sơ cấp, mang tên Phan Trường G, đề ngày 25-10-2022, có hình dấu tròn có nội dung "*BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI*TRUNG TÂM ĐÀO TẠO NGHỀ VÀ THỰC HÀNH CÔNG NGHIỆP LẠC HỒNG*" là giả làm bằng phương pháp in phun màu điện tử; 01 Chứng chỉ sơ cấp, mang tên Nguyễn Văn Hiền E, đề ngày 26-10-2022, có hình dấu tròn có nội dung "*BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI*TRUNG TÂM ĐÀO TẠO NGHỀ VÀ THỰC HÀNH CÔNG NGHIỆP LẠC HỒNG*" là giả làm bằng phương pháp in phun màu điện tử; 01 Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, có hình ảnh, họ và tên: Phan Trường G, đề ngày: 25-10-2022, có hình dấu tròn có nội dung "*CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM* THÀNH PHỐ CẦN THƠ - SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI" là giả làm bằng phương pháp in phun màu điện tử; 01 Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, có hình ảnh, họ và tên: Nguyễn Văn Hiền E, đề ngày: 26/10/2022, có hình dấu tròn có nội dung "*CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM* TỈNH KIÊN GIANG - SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI" là giả làm

bằng phương pháp in phun màu điện tử; 01 Giấy khám sức khỏe của người lái xe, có hình ảnh, không ghi thông tin, không đề ngày, có hình dấu tròn có nội dung "***BỘ Y TẾ * BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH CẦN THƠ**" là giả làm bằng phương pháp in phun màu điện tử; 01 Giấy khám sức khỏe của người lái xe, có hình ảnh, không ghi thông tin, không đề ngày, có hình dấu tròn có nội dung "***BỘ Y TẾ * BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH KIẾN GIANG**" là giả làm bằng phương pháp in phun màu điện tử.

Cáo trạng số 74/CT-VKSBB ngày 10 tháng 7 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Minh C, Lê Thị T3 về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” theo các điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2025/HS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 341, các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn H và Nguyễn Minh C;

Điểm a khoản 3 Điều 341, các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo đối với bị cáo Lê Thị T3;

Điều 135, Điều 136, Điều 260, Điều 268, Điều 269 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị N, Lê Thị T3, Nguyễn Văn H và Nguyễn Minh C phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C1 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Thị T3 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Thị T3 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 12 tháng 01 năm 2025, bị cáo Nguyễn Thị N kháng cáo xin cho hưởng án treo hoặc giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, bị cáo Nguyễn Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: xác định tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị N là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý con dấu, tài liệu, giấy tờ của cơ quan, tổ chức; xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự chung của toàn xã hội. Các bị cáo vì hám lợi nên đã cố ý thực hiện hành vi. Bị cáo N là người trực tiếp cung cấp thông tin của G và Hiền E đồng thời giao dịch trực tiếp với người làm giả các tài liệu, bị cáo T3, bị cáo C1 và bị cáo H là những người cùng thực hành. Do đó, cần một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ để tuyên phạt buộc bị cáo Nguyễn Thị N mức án 3 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù, Nguyễn Văn H mức án 03 (ba) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan” là đã thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Đơn kháng cáo của các bị cáo không có tình tiết mới do đó không có căn cứ để chấp nhận. Vì các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2024/HS-ST ngày 09/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H trình bày: bị cáo H phạm tội lần đầu, là lao động chính trong gia đình, hiện đang phải nuôi mẹ vợ già. Trong suốt quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm cho thấy bị cáo N, T3, C1 hưởng lợi, chênh lệch từ 300.000 - 400.000 đồng/bộ hồ sơ; riêng bị cáo H chỉ giúp đỡ anh em, bạn bè, không hề có khoản thu lợi chênh lệch nào. Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo H đã tự nguyện trả lại cho G, Hiền E số tiền 1.000.000 đồng. Trong vụ án này, bị cáo H là người giúp sức, cũng vừa là bị hại – tự ứng tiền thanh toán cho C1 4.000.000 đồng. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo H bằng với mức hình phạt của bị cáo C1 (vừa giúp sức, vừa hưởng chênh lệch) 03 năm tù là quá nặng, không đảm bảo tính công bằng, không phù hợp với tính chất, mức độ giúp sức của các bị cáo trong vụ án.

Ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng thì còn các tình tiết sau mong Hội đồng xét xử xem xét thêm cho bị cáo H: bị cáo H đã tự nguyện khắc phục bằng cách trả lại tiền cọc với số tiền 1.000.000 đồng cho G và Hiền E (thể hiện qua lời khai, văn bản xác nhận của G và Hiền E); giao nộp bản

chính hai bộ hồ sơ Giấy phép lái xe tên G và Hiền E cho Cơ quan điều tra. Do sự việc phát hiện kịp thời nên những tài liệu giả này đã được bị cáo H giao cho Cơ quan điều tra, chưa được sử dụng, chưa gây thiệt hại cho các cá nhân, tổ chức nào. Ngoài ra, bị cáo H có trình độ 0/12, thực tế làm việc tay chân, không biết chữ, thiếu hiểu biết pháp luật. Từ những trình bày nêu trên, kính đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017) do bị cáo H có hai tình tiết giảm nhẹ trở lên, có vai trò giúp sức không đáng kể nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn H làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở xác định: ngày 19-10-2022, tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Nguyễn Thị N, Lê Thị T3, Nguyễn Văn H và Nguyễn Minh C đã cung cấp thông tin hình ảnh của Phan Trường G, Nguyễn Văn H Em cho đối tượng có tài khoản Z "Nguyễn Tiến D" để làm giả: 02 giấy phép lái xe hạng A1 giả, 02 chứng chỉ sơ cấp giả, 02 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe giả, 02 giấy khám sức khỏe của người lái xe có thông tin cá nhân, hình ảnh của Phan Trường G, Nguyễn Văn H Em giả. Số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội của các bị cáo cụ thể như sau: bị cáo N là 1.200.000 đồng, bị cáo T3 là 600.000 đồng, bị cáo C là 800.000 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo N, H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý con dấu, tài liệu, giấy tờ của cơ quan, tổ chức; xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự chung của toàn xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo tội danh, khung hình phạt và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với bị cáo Nguyễn Văn H: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo với tội danh và điều khoản như trên là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo Nguyễn Văn H sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác, khai báo với cơ quan điều tra. Ngoài lần phạm tội này, trước đó các bị cáo đều chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước. Gia đình bị cáo H có hoàn cảnh

khó khăn, bị cáo phạm tội do thiếu hiểu biết về pháp luật, có trình độ học vấn thấp 0/12 (không biết chữ). Trong vụ án, bị cáo H có vai trò đồng phạm giúp sức vai trò không đáng kể, hành vi bị cáo thực hiện chưa gây ra hậu quả nghiêm trọng. Bị cáo phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), do vậy Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H, áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt theo quy định của pháp luật.

Đối với kháng cáo xin cho hưởng án treo hoặc giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị N: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo với tội danh và điều khoản như trên là đúng quy định pháp luật. Bị cáo N kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N hình phạt tù có thời hạn là phù hợp, việc cho bị cáo N hưởng án treo là không nghiêm nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có cha là ông Nguyễn Văn Đ và mẹ là bà Nguyễn Thị H1 là người có công cách mạng, bị cáo sau khi phạm tội đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính, hành vi của các bị cáo thực hiện chưa gây hậu quả nghiêm trọng. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án trên là nghiêm khắc, do vậy Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị N.

[4] Đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H về phần giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, các ý kiến khác không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo của các bị cáo được nhập nhận một phần nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 344; Điều 345; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị N; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2025/HS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương về hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị N như sau:

1.1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị N phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”

1.2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341, các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo bị cáo Nguyễn Thị N.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341, các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị N không phải nộp.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ – Công an tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương;
- Các bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng

